

Số: 46/2024/QĐST-LĐ

Trảng Bàng, ngày 19 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Yến.

Thư ký phiên họp: Bà Bùi Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên họp:
Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 03/2024/TLST-VLĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định mở phiên họp số 33/2024/QĐST-LĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh P. T. N, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố L.B, phường L.X, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Q (nay là K); địa chỉ: Lô 97, 98, 99 KCX và CN Linh Trung III phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà G.L, chức vụ: Tổng giám đốc (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. Bảo hiểm xã hội thị xã Trảng Bàng; địa chỉ: Số 3 Lãnh Binh Tòng, phường Trảng Bàng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà T.T.T, chức vụ: Giám đốc (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

3. Anh P. V. M, sinh năm 1990; địa chỉ: khu phố L.B, phường L.X, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong quá trình giải quyết việc lao động, người yêu cầu – anh P. T. N trình bày:

Năm 2008, Anh N làm việc tại Công ty S thuộc Khu chế xuất Linh Trung III. Quá trình làm việc tại đây anh đã gia gia bảo hiểm xã hội từ tháng 5/2008 và

được cấp sổ Bảo hiểm xã hội số TZ08012747. Tháng 02/2011 anh nghỉ việc tại Công ty S. Đến khoảng năm 2018 – 2019, anh làm việc tại Công ty P thuộc Khu công nghiệp Thành Thành Công, anh làm được một thời gian thì xin nghỉ việc và làm thủ tục lãnh bảo hiểm xã hội được tổng số tiền 8.600.000 đồng. Thời điểm anh làm việc tại Công ty P do sổ bảo hiểm xã hội cũ bị mất nên anh xin cấp lại sổ mới và được cấp sổ bảo hiểm số 7222197755.

Tuy tiên, vào khoảng năm 2006, 2007, anh có cho em ruột của anh là anh P. V. M mượn giấy chứng minh nhân dân của anh để đi làm tại Công ty Q thuộc Khu chế xuất Linh Trung III. Quá trình làm việc tại Công ty S anh M được công ty tham gia bảo hiểm xã hội với tên của anh là P. T. N với số sổ bảo hiểm xã hội là 7209003996.

Đến năm 2022, anh N xin làm việc tại Công ty TNHH MTV K.Đ và đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 3/2022 đến tháng 8/2022 thì nghỉ việc. Anh tiếp tục làm thủ tục lãnh bảo hiểm xã hội giai đoạn năm 2022 thì không lãnh được do bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội tại 02 công ty khác nhau dưới cùng một tên là P. T. N trong thời gian từ tháng 4/2008 đến tháng 4/2009.

Do anh N và anh M bị trùng thời gian làm việc tại 02 công ty khác nhau nhưng dưới một tên là P. T. N nên nay anh không lãnh tiền bảo hiểm xã hội được. Vì vậy, nay anh N yêu cầu Tòa án tuyên bố tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty Q (nay là K) với anh P. V. M đứng dưới tên P. T. N vô hiệu để anh làm thủ tục lãnh bảo hiểm xã hội.

Trong quá trình giải quyết việc lao động, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Công ty Q (nay là K) có văn bản trình bày:

Qua kiểm tra, rà soát các tài liệu, hợp đồng trước đây với nhân viên nhưng không tìm thấy hợp đồng của anh P. T. N nên không cung cấp cho Tòa án được.

Trong quá trình giải quyết việc lao động, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh P. V. M trình bày:

Anh và anh P. T. N là anh, em ruột. Do chưa đủ tuổi nên khoảng năm 2006, 2007 anh có mượn giấy chứng minh nhân dân của anh N để làm công nhân tại Công ty Q thuộc Khu chế xuất Linh Trung III, Trảng Bàng, Tây Ninh cho đến năm 2009 thì nghỉ. Trong thời gian làm việc tại đây, anh đã tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm là 7209003996 và anh đã hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội 01 lần trong thời gian làm việc tại Công ty Q dưới tên của anh P. T. N.

Nay anh đồng ý tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa anh đứng dưới tên P. T. N với Công ty Q (nay là K) là vô hiệu để anh N được lãnh tiền bảo hiểm xã hội theo quy định.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thị xã Trảng Bàng - bà T.T.T có văn bản trình bày:

Kiến nghị Tòa án Nhân dân thị xã Trảng Bàng xem xét tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà P. T. N và Công ty Q (nay là K) vô hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết yêu cầu:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự và đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết việc lao động. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 15, 16, 49 Bộ luật lao động và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng giải quyết việc lao động xem xét quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của anh P. T. N. Tuyên bố hợp đồng lao động giữa anh P. T. N, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố L.B, phường L.X, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và Công ty Q (nay là K) là vô hiệu.

2. Anh N phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] P. T. N yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa anh P. V. M đứng dưới tên P. T. N và Công ty Q (nay là K) vô hiệu. Đây là yêu cầu về lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng lao động được giao kết và thực hiện tại Công ty Q (nay là K) có trụ sở tại Lô 97, 98, 99 KCX và CN Linh Trung III phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng theo điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự trên là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty Q (nay là K) với anh P. V. M đứng dưới tên P. T. N là vô hiệu thấy rằng: anh P. V. M và anh P. T. N đều thống nhất trình bày, trong khoảng thời gian từ năm 2006, 2007 đến năm 2009, anh M có mượn chứng minh nhân dân của anh N để làm việc tại Công ty Q (nay là K) và được Công ty Q đóng bảo hiểm xã hội cho anh M dưới tên P. T. N với số sổ bảo hiểm xã hội là 7209003996. Sau khi nghỉ việc tại Công ty Q, anh M đã lãnh chế độ bảo hiểm xã hội 01 lần.

Như vậy, việc anh M mượn chứng minh nhân dân của P. T. N để làm việc tại Công ty Q là có thật và việc anh M mượn chứng minh nhân dân và sử dụng thông tin cá nhân của P. T. N để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Q là gian dối. Hành vi trên là vi phạm nguyên tắc “*Trung thực*”, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật lao động nên hợp đồng lao động vô hiệu theo quy

định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật lao động.

[3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội Trảng Bàng đã cung cấp quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của ông P. T. N, sinh ngày 01/01/1983 (CMTND: 290770195) với mã số BHXH: 7209003996 (ông P. T. N đã hưởng trợ cấp BHXH 01 lần quá trình đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty Q từ tháng 4/2008 đến tháng 4/2009). Như vậy, thời gian từ 4/2008 đến tháng 4/2009, người lao động tên P. T. N làm việc tại Công ty Q là có thật. Tuy nhiên, thực tế, từ năm 2008 đến tháng 02/2011, anh N làm việc tại Công ty S thuộc Khu chế xuất Linh Trung III. Quá trình làm việc tại đây anh đã tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 5/2008 và được cấp sổ Bảo hiểm xã hội số TZ08012747 dưới tên P. T. N. Như vậy, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bị trùng từ tháng 4/2008 đến tháng 4/2009 dưới một tên là P. T. N tại 02 công ty là Công ty Q và Công ty S. Do đó, nay P. T. N yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty Q (nay là K) với anh P. V. M (do sử dụng thông tin của anh P. T. N để giao kết hợp đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: P. T. N phải chịu lệ phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 15, 16, 49, 50, 51 của Bộ luật Lao động;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của anh P. T. N.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa anh P. T. N, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố L.B, phường L.X, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (do anh P. V. M ký kết) với Công ty Q (nay là K) có sổ sổ bảo hiểm xã hội là 7209003996 là vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: P. T. N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh N đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015289 ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận anh N đã nộp xong lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải

quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả vãn thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- CCTHA thị xã Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Phạm Thị Yến